

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Mạnh Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên thay thế (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Phương Đông	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Vũ Việt Linh	Thành viên thay thế (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Lê Quý Hòa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Giám đốc
Ông Vương Dũng Hoàng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Số: 694 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 3 năm 2013, từ trang 04 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế trong phạm vi kiểm toán như được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

Do cơ sở phân bổ chi phí trả trước cho việc sửa chữa xe của Công ty chỉ mang tính tương đối, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá tính chính xác và hợp lý của chi phí phân bổ Công ty đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư còn lại của chi phí sửa chữa xe nêu trên được phản ánh trong khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn lần lượt là 1.533.387.536 VND và 2.462.970.464 VND. Nếu thực hiện phân bổ ngay chi phí này vào chi phí kinh doanh trong năm thì chi phí trong năm 2012 sẽ tăng khoảng 4 tỉ đồng và kết quả kinh doanh của Công ty cũng thay đổi tương ứng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ hạn chế trong phạm vi kiểm toán nêu trên báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phân loại khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) sang vay dài hạn Theo Nghị quyết số 630/NQ-DKVN của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí do đó công nợ ngắn hạn của Công ty không vượt quá tài sản. Nếu điều chỉnh các ảnh hưởng từ sự kiện không chắc chắn này thì tại 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 24.108.202.049 VND (31/12/2011: 39.100.157.999 VND) yếu tố này dẫn đến sự lo ngại về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cũng như nhận được các khoản vay từ ngân hàng cũng như hỗ trợ tài chính từ chủ sở hữu. Báo cáo này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này. Kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2.



Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Đức Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.744.830.343	75.839.806.600
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.105.462.034	38.760.212.393
1. Tiền	111		14.305.462.034	21.058.151.379
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.800.000.000	17.702.061.014
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.300.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.300.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.125.885.110	32.665.788.062
1. Phải thu khách hàng	131		39.039.669.325	27.042.456.245
2. Trả trước cho người bán	132		389.240.368	355.371.476
3. Các khoản phải thu khác	135		2.102.756.974	6.117.686.754
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(405.781.557)	(849.726.413)
IV. Hàng tồn kho	140	7	2.577.976.146	657.959.516
1. Hàng tồn kho	141		2.577.976.146	657.959.516
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.635.507.053	1.755.846.629
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.989.332.583	57.140.369
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.184.448.395	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	1.646.835	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	3.460.079.240	1.698.706.260
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.567.656.050	133.507.913.930
(200 = 220+260)				
I. Tài sản cố định	220		114.481.423.129	129.778.727.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	114.424.798.129	129.773.310.572
- Nguyên giá	222		188.589.636.237	185.915.444.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.164.838.108)	(56.142.133.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227		56.625.000	5.416.662
- Nguyên giá	228		97.000.000	25.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.375.000)	(19.583.338)
II. Tài sản dài hạn khác	260		6.086.232.921	3.729.186.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.803.745.421	3.729.186.696
2. Tài sản dài hạn khác	268		282.487.500	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		214.312.486.393	209.347.720.530

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

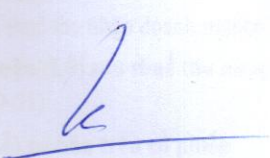
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

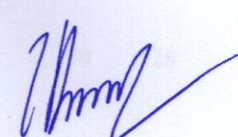
MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		121.529.020.517	116.627.144.599
I. Nợ ngắn hạn	310		57.599.976.392	114.939.964.599
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	12.761.872.200	77.104.726.949
2. Phải trả người bán	312		41.714.592.500	25.226.722.683
3. Người mua trả tiền trước	313		35.780.012	82.765.554
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	266.786.449	2.275.106.511
5. Phải trả người lao động	315		639.252.090	2.505.053.388
6. Chi phí phải trả	316		245.650.659	1.647.111.379
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.936.042.482	6.098.478.135
II. Nợ dài hạn	330		63.929.044.125	1.687.180.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.922.588.125	73.180.000
2. Vay dài hạn	334	13	60.253.056.000	-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		753.400.000	1.614.000.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		92.783.465.876	92.720.575.931
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	92.783.465.876	92.720.575.931
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. (Lỗ lũy kế)	420		(7.216.534.124)	(7.279.424.069)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		214.312.486.393	209.347.720.530


Hoàng Xuân Uyên
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2013


Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	375.310.056.856	333.721.862.713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		261.350.489	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		375.048.706.367	333.721.862.713
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	368.083.778.590	333.238.137.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.964.927.777	483.725.357
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.811.770.526	4.220.420.318
7. Chi phí tài chính	22		2.376.044.308	3.407.986.104
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.376.044.308	3.407.986.104
8. Chi phí bán hàng	24		1.291.001.857	579.143.139
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.366.742.311	8.914.640.159
10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(2.257.090.173)	(8.197.623.727)
11. Thu nhập khác	31	18	2.412.271.038	3.159.737.899
12. Chi phí khác	32		92.290.920	2.795.421.625
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.319.980.118	364.316.274
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		62.889.945	(7.833.307.453)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		62.889.945	(7.833.307.453)
17. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	20	6	(783)




Hoàng Xuân Uyên
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2013



Lê Tiên Dũng
Kế toán trưởng

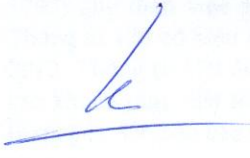



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	62.889.945	(7.833.307.453)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		16.163.824.812	20.281.256.837
Khấu hao tài sản cố định	02	18.043.495.886	21.093.691.051
Các khoản dự phòng	03	(443.944.856)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.811.770.526)	(4.220.420.318)
Chi phí lãi vay	06	2.376.044.308	3.407.986.104
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.226.714.757	12.447.949.384
Thay đổi các khoản phải thu	09	(10.679.370.402)	7.242.207.650
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.920.016.630)	2.366.132.760
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	9.845.193.303	7.448.848.604
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.006.750.939)	5.394.232.505
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.230.368.808)	(3.407.986.104)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(999.194.136)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(282.487.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.953.719.645	31.491.384.799
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(2.746.191.781)	(424.087.960)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(390.715.096)
3. Gửi tiền có kỳ hạn	25	(4.300.000.000)	-
4. Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	26	2.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.527.520.526	4.220.420.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.518.671.255)	3.405.617.262
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.761.872.200	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.851.670.949)	(27.398.222.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.089.798.749)	(27.398.222.220)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(654.750.359)	7.498.779.841
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.760.212.393	31.261.432.552
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.105.462.034	38.760.212.393


Hoàng Xuân Uyên
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2013


Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 513 (31 tháng 12 năm 2011: 544 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa; kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2012, Công ty đã phân loại khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) sang vay dài hạn Theo Nghị quyết số 630/NQ-DKVN của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí do đó công nợ ngắn hạn của Công ty không vượt quá tài sản. Nếu điều chỉnh các ảnh hưởng từ sự kiện không chắc chắn này thì tại 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 24.108.202.049 VND (31/12/2011: 39.100.157.999 VND) yếu tố này dẫn đến sự lo ngại về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và nhận thấy Công ty có thể có được dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản vay cũng như hỗ trợ từ chủ sở hữu để đảm bảo khả năng hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng tới và quyết định lập báo cáo trên cơ sở hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trong yếu tố đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích ước tính của một số phương tiện vận tải dùng cho dịch vụ taxi đang có mức khấu hao từ 8 năm lên 10 năm nhằm thống nhất một mức khấu hao cho tất cả các xe taxi theo phương án kinh doanh và cơ sở đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao này làm cho chi phí khấu hao trong năm 2012 giảm đi khoảng 2,7 tỷ đồng so với mức trích khấu hao năm 2011 và lợi nhuận trước thuế năm 2012 tăng lên một khoản tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.034.175.666	1.109.123.333
Tiền gửi ngân hàng	13.271.286.368	19.949.028.046
Các khoản tương đương tiền (i)	23.800.000.000	17.702.061.014
	<u>38.105.462.034</u>	<u>38.760.212.393</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 11, khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn số VB 0083004 và VB 0083005 với tổng giá trị là 10.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 330/HĐTD.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện số dư khoản ủy thác vốn có kỳ hạn 1 năm và số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với lãi suất tương ứng là 13%/năm và 14%/năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.695.609.356	460.192.169
Công cụ, dụng cụ	199.678.494	97.546.175
Hàng hoá	682.688.296	100.221.172
	<u>2.577.976.146</u>	<u>657.959.516</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (i)	671.818.182	671.818.182
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.988.261.058	1.026.888.078
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	800.000.000	-
	<u>3.460.079.240</u>	<u>1.698.706.260</u>

(i) Thể hiện giá trị ghi sổ của số lốp xe bồn loại 1100-20 Hero và 1100R20 Bridgestone kiểm kê thiếu so với sổ sách tại ngày 31/12/2012. Công ty đang thực hiện các biện pháp để xử lý số tài sản thiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	3.942.757.561	181.425.275.198	464.932.786	82.478.911	185.915.444.456
Tăng trong năm	153.864.507	14.090.909	80.272.727	-	248.228.143
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	2.425.963.638	-	-	2.425.963.638
Phân loại lại	27.167.000	105.390.517	(132.557.517)	-	-
Tại ngày 31/12/2012	4.123.789.068	183.970.720.262	412.647.996	82.478.911	188.589.636.237
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	1.580.938.952	54.312.213.657	218.109.713	30.871.562	56.142.133.884
Khấu hao trong năm	487.109.292	17.373.209.850	142.525.947	19.859.135	18.022.704.224
Phân loại lại	274.092.423	(250.101.203)	(35.026.554)	11.035.334	-
Tại ngày 31/12/2012	2.342.140.667	71.435.322.304	325.609.106	61.766.031	74.164.838.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	1.781.648.401	112.535.397.958	87.038.890	20.712.880	114.424.798.129
Tại ngày 31/12/2011	2.361.818.609	127.113.061.541	246.823.073	51.607.349	129.773.310.572

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích ước tính của một số phương tiện vận tải dùng cho dịch vụ taxi đang có mức khấu hao từ 8 năm lên 10 năm nhằm thống nhất một mức khấu hao cho tất cả các xe taxi theo phương án kinh doanh và cơ sở đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao này làm cho chi phí khấu hao trong năm 2012 giảm đi khoảng 2,7 tỷ đồng so với mức trích khấu hao năm 2011 và lợi nhuận trước thuế năm 2012 tăng lên một khoản tương ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 91.501.938.344 VND (31 tháng 12 năm 2011: 105.052.460.766 VND) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 13).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 624.090.656 VND (31/12/2011: 126.823.525 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012	2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.729.186.696	6.902.463.802
Tăng	5.235.011.851	1.740.428.950
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.160.453.126)	(4.913.706.056)
Tại ngày 31 tháng 12	5.803.745.421	3.729.186.696

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	12.761.872.200	76.253.056.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	851.670.949
	<u>12.761.872.200</u>	<u>77.104.726.949</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 301/HĐTĐ và 330/HĐTĐ với hạn mức tín dụng lần lượt là 137.610 USD và 475.200 USD. Khoản vay chịu lãi suất 5%/năm, thời hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 330/HĐTĐ được đảm bảo bởi tài khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn số VB 0083004 và VB 0083005 với tổng giá trị là 10.000.000.000 VND.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp tại ngày 01/01/2012 VND	Lũy kế từ đầu năm tới cuối năm		Phải nộp tại ngày 31/12/2012 VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	952.267.866	2.949.057.109	3.775.085.461	126.239.514
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	784.061	2.275.056.285	2.277.487.181	(1.646.835)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.535.982	-	-	1.535.982
Thuế xuất, nhập khẩu	67.754.460	36.703.595	36.703.595	67.754.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	999.194.136	-	999.194.136	-
Thuế TNCN	253.570.006	136.375.659	318.689.172	71.256.493
Thuế môn bài	-	10.300.000	10.300.000	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Tổng cộng	2.275.106.511	5.407.492.648	7.417.459.545	265.139.614

Trong đó:

Thuế phải thu Nhà nước

1.646.835

Thuế phải nộp Nhà nước

2.275.106.511

266.786.449

13. VAY DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	60.253.056.000	-
	<u>60.253.056.000</u>	<u>-</u>

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng vay số 36/PV-Petrotrans/TXV/08 ngày 18 tháng 6 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 VND để mua sắm phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 9) và chịu lãi suất là 6,8%/năm. Thời hạn của hợp đồng vay này là 01 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và được gia hạn thêm 01 năm, đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2012 với mức lãi suất được hỗ trợ trong giai đoạn này là 3%/năm.

Theo Nghị quyết số 630/NQ-DKVN, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chỉ đạo Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) gia hạn nợ cho Công ty đến ngày 18/6/2014 và giữ nguyên mức lãi suất hỗ trợ là 3%/năm đối với dư nợ còn lại kể từ ngày 18/6/2012. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty và PVFC đang trong quá trình đàm phán Phụ lục hợp đồng gia hạn cho khoản vay nêu trên. Ban Giám đốc tin tưởng phụ lục gia hạn vay sẽ được ký kết với PVFC và quyết định vẫn trình bày khoản vay là vay dài hạn theo tinh thần Nghị quyết của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGTầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	100.000.000.000	553.883.384	100.553.883.384
Lỗ trong năm	-	(7.833.307.453)	(7.833.307.453)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	100.000.000.000	(7.279.424.069)	92.720.575.931
Lợi nhuận trong năm	-	62.889.945	62.889.945
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	100.000.000.000	(7.216.534.124)	92.783.465.876

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67%	38.670.000.000	38.670.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	10.000.000.000	10,00%	10.002.000.000	10.002.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ đông khác	11.330.000.000	11,33%	11.328.000.000	11.328.000.000
	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

15. DOANH THU

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	375.310.056.856	333.721.862.713
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	298.379.211.952	240.716.373.734
Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.930.844.904	93.005.488.979
Các khoản giảm trừ doanh thu	261.350.489	-
Chiết khấu thương mại	261.350.489	-
	375.048.706.367	333.721.862.713

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. GIÁ VỐN**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	287.839.169.041	231.399.305.841
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	80.244.609.549	101.838.831.515
	<u>368.083.778.590</u>	<u>333.238.137.356</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.617.446.960	8.710.911.058
Chi phí nhân công	29.025.191.077	29.461.544.565
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.043.495.886	21.093.691.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.706.673.698	35.349.837.837
Chi phí khác	4.509.546.096	16.888.845.010
	<u>90.902.353.717</u>	<u>111.504.829.521</u>

18. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản thu nhập chủ yếu từ tiền phạt vi phạm, bồi thường của lái xe taxi, tiền phạt vi phạm quy chế, phạt phá vỡ hợp đồng, thu do hao hụt trong quá trình vận chuyển LPG...

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	62.889.945	(7.833.307.453)
Trừ: Lỗ năm trước mang sang	62.889.945	-
Thu nhập chịu thuế	-	(7.833.307.453)
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

20. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	62.889.945	(7.833.307.453)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>6</u>	<u>(783)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	73.014.928.200	77.104.726.949
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	38.105.462.034	38.760.212.393
Nợ thuần	34.909.466.166	38.344.514.556
Vốn chủ sở hữu	92.783.465.876	92.720.575.931
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,38	0,41

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.105.462.034	38.760.212.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.736.644.742	32.310.416.586
Đầu tư ngắn hạn	4.300.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính khác	800.000.000	-
Tổng cộng	83.942.106.776	73.070.628.979
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	73.014.928.200	77.104.726.949
Phải trả người bán và phải trả khác	43.148.598.353	31.138.106.288
Chi phí phải trả	245.650.659	1.647.111.379
Tổng cộng	116.409.177.212	109.889.944.616

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	10.104.289.768	-	12.781.411.477	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	(267.712.171)	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.105.462.034	-	38.105.462.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.736.644.742	-	40.736.644.742
Đầu tư ngắn hạn	4.300.000.000	-	4.300.000.000
Tài sản tài chính khác	800.000.000	-	800.000.000
Tổng cộng	83.942.106.776	-	83.942.106.776
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	43.148.598.353	-	43.148.598.353
Chi phí phải trả	245.650.659	-	245.650.659
Các khoản vay	12.761.872.200	60.253.056.000	73.014.928.200
Tổng cộng	56.156.121.212	60.253.056.000	116.409.177.212
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.785.985.564	(60.253.056.000)	(32.467.070.436)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.760.212.393	-	38.760.212.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.310.416.586	-	32.310.416.586
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Tổng cộng	73.070.628.979	-	73.070.628.979
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	31.138.106.288	-	31.138.106.288
Chi phí phải trả	1.647.111.379	-	1.647.111.379
Các khoản vay	77.104.726.949	-	77.104.726.949
Tổng cộng	109.889.944.616	-	109.889.944.616
Chênh lệch thanh khoản thuần	(36.819.315.637)	-	(36.819.315.637)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGTầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.888.152.628	2.629.616.821

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.854.631.733	3.268.265.556
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.292.896.435	4.669.868.320
	<u>8.147.528.168</u>	<u>7.938.133.876</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.546.876.409	4.985.462.685
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	894.706.827	13.319.593
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	565.784.556	1.114.843.355
Tổng Công ty khí Việt Nam	1.105.313.125	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.080.000.000	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	4.297.688.528	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.846.774.098	13.638.314.219
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	-	11.867.671.439
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3.036.702.501	2.771.932.823
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	4.863.636	765.631.044
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	698.575.741	-
Lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.772.556.188	2.808.226.577

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi	1.010.925.873	953.834.586

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

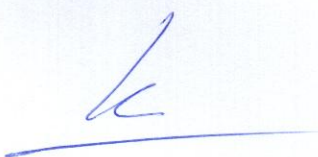
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.750.000.000	5.414.023.654
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	115.531.298	895.454.567
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	68.591.769	319.474.670
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	-	157.790.950
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	424.309.937	882.684.796
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Hà Nội	332.382.082	-
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò khai thác dầu khí nước ngoài	94.847.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hoá lỏng Nam Định	89.578.360	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	262.719.105	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	142.587.218	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	356.400.000	-
Phải trả		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	107.879.000	138.507.200
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	468.751.054	793.169.085
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	2.416.765.045
Công ty cổ phần Kinh doanh sản phẩm khí	26.202.751.180	14.381.461.819
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	-	130.626.650
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	17.349.400	-
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	60.253.056.000	76.253.056.000


24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.




Hoàng Xuân Uyên
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2013



Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc